TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng An toàn và Bảo hộ lao động

Tháng 6 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương CN		Lương 100%		Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**142**		**85.473.983**	**12**	**6.460.000**	**18**	**7.368.576**		**3.150.000**	**480.000**	**102.932.560**	**5.092.700**	**955.100**	**636.900**	**876.900**	**330.000**	**582.904**		**8.474.504**	**94.458.056**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	11.446.000	24	A	16.407.199	2	1.230.000	3	1.320.692		1.350.000		20.307.891	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000			1.405.900	18.901.991	
2	HL-00247	Hoàng Thanh	Phó phòng	10.483.000	26	A	13.996.387	2	1.046.000	1	403.192				15.445.579	838.700	157.300	104.900	143.400	55.000	181.884		1.481.184	13.964.395	
3	HL-00636	Lê Cảnh Thắng	Phó phòng	10.483.000	25	A	13.861.806	2	1.046.000	1	403.192				15.310.998	838.700	157.300	104.900	142.100	55.000			1.298.000	14.012.998	
4	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	10.483.000	16	A	13.350.399	2	1.046.000	11	4.435.115		900.000		19.731.514	838.700	157.300	104.900	149.000	55.000	87.253		1.392.153	18.339.361	
5	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	10.483.000	25	A	13.861.806	2	1.046.000	2	806.385		900.000		16.614.191	838.700	157.300	104.900	149.000	55.000	313.767		1.618.667	14.995.524	
6	HL-00877	Đậu Anh Tú	Phó phòng	9.797.000	26	A	13.996.387	2	1.046.000					480.000	15.522.387	822.200	154.200	102.800	144.400	55.000			1.278.600	14.243.787	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**70**		**26.431.384**	**4**	**1.556.000**			**64.854**	**900.000**		**28.952.238**	**1.484.400**	**278.400**	**185.700**	**270.000**	**165.000**			**2.383.500**	**26.568.738**	
7	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	6.184.000	26	A	10.596.444	3	1.218.000				900.000		12.714.444	494.800	92.800	61.900	120.600	55.000			825.100	11.889.344	
8	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	6.184.000	18	A	6.841.789	1	338.000						7.179.789	494.800	92.800	61.900	65.300	55.000			769.800	6.409.989	
9	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	6.184.000	26	A	8.993.151					64.854			9.058.005	494.800	92.800	61.900	84.100	55.000			788.600	8.269.405	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**211**		**77.282.633**	**23**	**8.318.000**	**3**	**669.308**				**86.269.938**	**3.733.500**	**700.300**	**466.900**	**797.900**	**440.000**	**685.154**	**1.285.000**	**8.108.754**	**78.161.184**	
10	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	8.830.370	3	1.014.000						9.844.370	494.800	92.800	61.900	91.900	55.000	123.868	313.000	1.233.268	8.611.102	
11	HL-05671	Nguyễn Văn Huy	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.830.370	3	1.014.000	2	431.462				10.275.832	448.800	84.200	56.100	96.900	55.000			741.000	9.534.832	
12	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát AT HL	6.184.000	25	A	10.188.889	3	1.218.000	1	237.846				11.644.735	494.800	92.800	61.900	110.000	55.000			814.500	10.830.235	
13	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	10.596.444	3	1.218.000						11.814.444	494.800	92.800	61.900	111.600	55.000	382.046	324.000	1.522.146	10.292.298	
14	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	9.797.000	4	A	1.494.370	1	406.000						1.900.370				3.200				3.200	1.897.170	
15	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.830.370	3	1.014.000						9.844.370	448.800	84.200	56.100	92.600	55.000			736.700	9.107.670	
16	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	8.830.370	3	1.014.000						9.844.370	494.800	92.800	61.900	91.900	55.000	106.968	324.000	1.227.368	8.617.002	
17	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	5.098.000	26	A	10.851.077	1	406.000						11.257.077	407.900	76.500	51.000	107.200	55.000	72.272	324.000	1.093.872	10.163.205	
18	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.830.370	3	1.014.000						9.844.370	448.800	84.200	56.100	92.600	55.000			736.700	9.107.670	
Tổng cộng					**423**		**189.188.000**	**39**	**16.334.000**	**21**	**8.037.884**	**64.854**	**4.050.000**	**480.000**	**218.154.736**	**10.310.600**	**1.933.800**	**1.289.500**	**1.944.800**	**935.000**	**1.268.058**	**1.285.000**	**18.966.758**	**199.187.978**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2022

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng